

Bản án số: 75/2024/DS-ST

Ngày: 20/8/2024

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU-TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng Loan**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Ngô Bá Dũng** và bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa :* Bà **Trương Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Trần Minh Tâm** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - 344 A, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2024/TLST - DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-DS ngày 24/5/2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự số 68/TB-TA ngày 06/6/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 27/6/2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự số 01/TB-TA ngày 23/7/2024 giữa các đương sự :

* *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Phương N**, sinh năm 1983. Địa chỉ: 4 H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

* *Bị đơn:* Ông **Đàm Nguyễn Anh V**, sinh năm 1992. Địa chỉ: C T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng,(vắng mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 10/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên nguyên đơn bà Trương Thị Phương N trình bày:

Bà N và ông Đàm Nguyễn A V có quen biết với nhau do cùng hợp tác, làm ăn. Theo đó, bà N làm việc tại Ngân hàng TMCP Q nên khi có khách hàng cần vay vốn

trong thời gian ngắn bên ngoài Ngân hàng, hay mua nhà đất thì bà N giới thiệu cho ông V, hoặc cùng hợp tác với ông V.

Khoảng tháng 06/2021, ông Đặng Xuân L (địa chỉ tại số I P, quận C, thành phố Đà Nẵng) có liên hệ bà N để muốn vay vốn tại Ngân hàng nên ông L nhờ bà N hỗ trợ, tìm người cho vay ngắn hạn để lấy tài sản về nhằm vay vốn được tại Ngân hàng.

Bà N đã thông tin đến ông V thì ông V đã đồng ý cho ông L vay số tiền là 4.000.000.000 đồng. Ông V thông tin rằng, hiện chỉ có 2.800.000.000 đồng nên nói bà N hợp tác, góp thêm vào 1.200.000.000 đồng để triển khai việc lấy tài sản mà ông L đang cầm cố vay mượn bên ngoài về.

Ngày 12/7/2021, ông V liên lạc đề nghị bà N chuyển số tiền 1.200.000.000 cho ông V. Bà N đã chuyển qua tài khoản số: 19033169958013 - Ngân hàng TMCP K – chủ tài khoản: Đàm Nguyên Anh V. Bẵng đi thời gian, bà N liên hệ với ông L để tới Ngân hàng làm thủ tục vay vốn (thì được biết ông V không có cho ông L vay tiền, và số tiền 1.200.000.000 đồng bà N chuyển cho ông V thì ông V cũng không đưa cho ông L).

Bà N có liên hệ thì ông V trao đổi rằng, số tiền 1.200.000.000 đồng ông V không đưa cho ông L, hiện ông V không có khả năng trả lại cho bà N. Sau nhiều lần yêu cầu, ông V mới trả được 170.000.000 đồng. Hiện ông V vẫn còn nợ bà N số tiền 1.030.000.000 đồng.

Nay bà N đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giải quyết buộc ông Đàm Nguyên A V phải trả lại cho bà N tổng cộng số tiền 1.322.350.685 đồng. Trong đó: nợ gốc là 1.030.000.000 đồng; Nợ lãi do chậm trả tạm tính từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/8/2024 là 1036 ngày x 1.030.000.000 đồng x 10% = 292.350.685 đồng.

Đối với bị đơn là ông Đàm Nguyên A V kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến như sau:

+ Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

+ Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/HĐTP chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Phương N, buộc ông Đàm Nguyên A V phải trả cho bà Trương Thị Phương N số tiền nợ gốc là 1.030.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông **Đàm Nguyên A V** nhưng ông **Vũ v** vắng mặt không có lý do. Do bị đơn vắng mặt nhiều lần tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.322.350.685 đồng, trong đó số tiền nợ gốc 1.030.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/8/2024 là 1036 ngày theo mức lãi suất 10%/năm là 292.350.685 đồng. Bị đơn vắng mặt và không có văn bản phản hồi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 1.030.000.000 đồng thì thấy: Theo nội dung công văn số 175/2024/CV-NCBNVL ngày 08/7/2024 của **Ngân hàng TMCP Q** và nội dung công văn số 0713/2024/DVKH-TCB ngày 22/7/2024 của **Ngân hàng TMCP K chi nhánh Đ** cung cấp thì 12/7/2021 từ **Ngân hàng TMCP Q - N1**, số tài khoản chuyển đi là 100006898089 chủ tài khoản là bà **Trương Thị Phương N** có chuyển khoản đến số tài khoản 19033169958013 của **Ngân hàng TMCP K**, chủ tài khoản là ông **Đàm Nguyên Anh V** 04 lần, mỗi lần 300.000.000 đồng. Nội dung chuyển khoản là “Chị **N CK Vũ mượn**”. Như vậy phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa là ngày 12/7/2021 bà **N** đã chuyển khoản cho ông **Vũ m** 1.200.000.000 đồng. Bà **N** sau khi biết số tiền của bà chuyển cho ông **V**, ông **V** không giao cho ông **L** vay, bà **N** đã nhiều lần yêu cầu ông **V** trả tiền thì ông **V** đã trả cho bà **N** 03 lần tổng cộng là 170.000.000 đồng. Số tiền còn nợ bà **N** là 1.030.000.000 đồng. Như vậy, giữa bà **N** và ông **V** có xác lập giao dịch vay tiền, không kỳ hạn và không có lãi quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy, quá trình thực hiện giao dịch vay tiền trên, mặc dù hợp đồng vay tiền nêu trên không có thời hạn nhưng do ông **V** không thực hiện đúng thỏa thuận giữa bà **N** và ông **V**, bà **N** đã yêu cầu ông **V** trả lại tiền nhưng ông **V** không trả dứt điểm là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.030.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền lãi là 292.350.685 đồng. HĐXX xét thấy giao dịch vay tiền của các bên không thỏa thuận lãi, tuy nhiên bà **N** đã nhiều lần yêu cầu ông **V** trả lại tiền mà ông **V** không trả nên thời gian bà **N** yêu cầu ông **V** phải trả tiền lãi từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/8/2024 là 1036 ngày

x 1.030.000.000 đồng x 10% = 292.350.685 là có cơ sở, phù hợp với khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn gốc và lãi là 1.322.350.685 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, ông **Đàm Nguyên A V** còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu với số tiền là 51.670.521 đồng.

- Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trương Thị Phương N** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông **Đàm Nguyên Anh V**.

1. Xử :

- Buộc ông **Đàm Nguyên A V** phải trả cho ông **Trương Thị Phương N** số tiền 1.322.350.685 đồng (Một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 1.030.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm ba mươi triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/8/2024 là 292.350.685 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, ông **Đàm Nguyên A V** còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí DSST:

- Án phí DSST là 51.670.521 đồng (Năm mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, năm trăm hai mươi một đồng) ông **Đàm Nguyên Anh V** phải chịu.

H lại số tiền tạm ứng án phí 22.249.825 đồng (Hai mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng) mà bà **Trương Thị Phương N** đã nộp theo biên lai thu số 0000289 ngày 01/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- CCTHADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

